TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **58**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2023
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Phạm Văn Vũ
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Quế P, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số 219 tổ 1, ấp T, xã PH, huyện CG, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Mai Văn Thái, sinh năm 1994. Nơi cư trú: số 12/1, ấp An KB, xã A huyện Ptỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/3/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn chị Trần Thị Quế Ptrình bày:

Chị Trần Thị Quế Pvà anh Mai Văn Tcưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AĐ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2016, trong thời gian sống chung có một con chung tên Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017 hiện nay đang sống chung với chị P. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị Pyêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Pyêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị Pkhông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị Pyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 15/9/2023 bị đơn anh Mai Văn Ttrình bày:

Anh Mai Văn Tthống nhất với chị Trần Thị Quế Pvề thời gian cưới nhau, kết hôn, nguyên nhân mất hạnh phúc và quá trình ly thân nên

Về hôn nhân: Anh Mai Văn Tđồng ý ly hôn với chị Trần Thị Quế P. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn không yêu cầu Toà án xem xét.

Về con chung: Anh Mai Văn Tđồng ý để chị Trần Thị Quế Pđược trực tiếp nuôi dưỡng Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017, anh Tkhông cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Toà án được nên anh Tyêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Quế Pđược ly hôn với anh Mai Văn T, chị Pkhông yêu cầu cấp dưỡng sau ly hôn nên không xem xét.
- Về con chung: giao cháu Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017 cho chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng, anh Tchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: chị Pkhai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Quế Pyêu cầu ly hôn với anh Mai Văn Thdo bị đơn sinh sống tại huyện Pnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ptheo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Quế Pvới bị đơn anh Mai Văn Tcó yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 228, 238 của Bộ luật

tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Chị Trần Thị Quế Pvới anh Mai Văn Tcưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2016 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Trần Thị Quế Pđược ly hôn với anh Mai Văn T. Chị Pvà anh Tkhông yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Hai bên thống nhất giao con chung tên Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017 cho chị Pđược trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh Tkhông cấp dưỡng nuôi con do chị Pkhông có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Pvà anh Ttrình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Chị Pphải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quế P. Cho chị Trần Thị Quế Pđược ly hôn với anh Mai Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Chị Pđược trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Mai Đình P, sinh ngày 17/9/2017. Anh Tkhông cấp dưỡng nuôi con do chị Pkhông có yêu cầu.

Anh Mai Văn Tcó quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Pvà anh Ttrình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Pphải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005675 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PNhư vậy án phí chị Pđã nộp xong.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;)
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu

Hồ Thị Triết